TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **185**/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 13/06/2023.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên - Cán bộ Hội Phụ nữ thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

2. Ông Trần Công Danh - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 13 tháng 06 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 671/2023/TLST-HNGĐ ngày 21/03/2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Tuyết H**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: 2C/A, khu phố 2A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ;

2. *Bị đơn:* Ông **Tống Văn H**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: 71/4, đường 478, tổ 6, khu phố 4B, phường T, thành phố B, tỉnh Đ;

Địa chỉ tạm trú: Xã N, huyện N, tỉnh N.

(Ông H, bà H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 25/05/2023, nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H kết hôn với nhau vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Trong thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã, cuộc sống vợ chồng ngột ngạt. Bà và ông H ly thân đã nhiều năm. Đến nay mâu thuẫn ngày càng gay gắt và trầm trọng đến mức khó có thể giải quyết nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà xác định có 01 con chung tên Tống Trần Gia H, sinh ngày 16/12/2015. Ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Tạm thời không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên bà đề nghị vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Theo bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 16/05/2023, bị đơn ông Tống Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà H kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Trong thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã, cuộc sống vợ chồng ngột ngạt. Vợ chồng ông ly thân đã lâu. Đến nay mâu thuẫn ngày càng gay gắt và trầm trọng đến mức khó có thể giải quyết nên việc bà H làm đơn xin được ly hôn với ông thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông xác định có 01 con chung tên Tống Trần Gia H, sinh ngày 16/12/2015. Ly hôn, bà H đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, tạm thời không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung thì ông đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên ông đề nghị vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và lời trình bày, tranh luận của đương sự tại phiên tòa hôm nay có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông H, giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, không xem xét việc cấp dưỡng vì đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tố tụng:

- *Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:*

Bà Trần Thị Tuyết H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Tống Văn H, đề nghị được nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định bà H là nguyên đơn, ông H là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn, con chung".

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Ông Tống Văn H có địa chỉ thường trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Tuy nhiên, hiện nay ông H đang cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh N nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai là nơi giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về thủ tục tố tụng khác:* Bà Trần Thị Tuyết H, ông Tống Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà Trần Thị Tuyết H, ông Tống Văn H chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 427/2014 ngày 09/12/2014. Đối chiếu quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân của bà H, ông H là hợp pháp.

Bà H, ông H đều thừa nhận sau quá trình chung sống thì hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Ông bà đã ly thân từ nhiều năm nay.

Xét thấy: Quá trình làm việc, bà H và ông H đều thừa nhận sau khi kết hôn thời gian đầu vợ cH chung sống bình thường, hạnh phúc nhưng về sau phát sinh

nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, hai vợ chồng hay gây gỗ, xung đột, cãi vả với nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà H và ông H là có thật, trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, bà H xin ly hôn thì ông H cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của bà H và ông H là phù hợp.

Về con chung: Bà H và ông H xác định có 01 con chung tên Tống Trần Gia H, sinh ngày 16/12/2015. Ly hôn, bà H đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, tạm thời không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Ông H cũng thống nhất với ý kiến của bà H, đồng ý giao cháu Huy cho bà H nuôi dưỡng, tạm thời không cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Huy có nguyện vọng được ở, sinh sống với bà H. Xét ý kiến và sự thỏa thuận của bà H, ông H và nguyện vọng của cháu Huy là phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 40, khoản 4 Điều 147, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết H đối với ông Tống Văn H.

Cho bà Trần Thị Tuyết H ly hôn ông Tống Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Tống Trần Gia H, sinh ngày 16/12/2015 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006883 ngày 16/03/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bà Trần Thị tuyết H, ông Tống Văn H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự TP.Biên Hòa;
- UBND xã/phường nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Hòa